TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2024
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thanh Học.

2. Bà Trần Thị An.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên toà: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2024/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ D, khu phố C, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ D, khu phố C, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/6/2024, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày: Ông và Nguyễn Thị Kim C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985, 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không giải quyết được tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nứt, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2024, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim C. Về con chung có hai đứa con tên Lê Thị Thùy L1, sinh ngày 21/11/1987 và Lê Thị Trúc L2 sinh ngày 21/11/1987, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải

quyết. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét, giải quyết. Về nợ chung không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Bà và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu sống có hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2024, ông L yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung thống nhất theo lời trình bày của ông Lê Văn L.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Kim C chung sống với nhau từ năm 1986 không có đăng ký kết hôn nhưng tại thời điểm chung sống với nhau thì chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật nên không thể xem là hôn nhân thực tế, trong quá trình chung sống ông bà thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, xét thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông L xin ly hôn bà C đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Kim C. Về con chung hai đứa con tên Lê Thị Thùy L1, sinh ngày 21/11/1987 và Lê Thị Trúc L2 sinh ngày 21/11/1987 đã trưởng thành nên không xem xét, về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét, về nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn. Trong vụ án này bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C cư trú tại khu phố C, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Kim C chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, ông bà đều cho rằng chung sống với nhau từ năm 1986 nhưng ông bà không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh, trong khi các con của ông bà sinh ngày 21/11/1987 nên không có căn cứ xác định ông bà chung sống từ năm 1986 để xem xét hôn nhân của ông bà là hôn nhân thực tế. Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền địa

phương cho thấy ông bà chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý. Xét thấy, trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông bà đã ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, quan hệ hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông L xin ly hôn bà C đồng ý ly hôn. Do đó, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Kim C là phù hợp quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Về con chung: Ông bà có hai đứa con tên Lê Thị Thùy L1, sinh ngày 21/11/1987, giới tính nữ và Lê Thị Trúc L2 sinh ngày 21/11/1987, giới tính nữ. Các con đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông bà trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Lê Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Kim C.

2. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông Lê Văn L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002076 ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên ông không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Mạc Văn Hên